

Số: **27** /2016/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày **07** tháng **9** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH & XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	
ĐẾN	Số: 1681
	Ngày: 29/9/16
Chuyển:	Căn cứ
Lưu hồ sơ số:	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

~~Căn cứ~~ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
~~Căn cứ~~ Pháp lệnh phòng, chống mại dâm số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17 tháng 3 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 55/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn tiếp nhận, quản lý và giáo dục người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn tại các cơ sở trợ giúp trẻ em;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung Khoản 3a vào sau Khoản 3, Điều 1 Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

“3a. Mức chi hỗ trợ công tác tiếp nhận người bán dâm có nguy cơ bị xâm hại, bị lạm dụng tình dục và người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường nhưng không có nơi cư trú ổn định vào cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (theo Phụ lục số 3 kèm theo Quyết định này) ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **17**.. tháng **9**.. năm 2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Công an thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà

nước Đà Nẵng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./ *Uz*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Lao động-TB&XH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Thành uỷ, TT. HĐND thành phố;
- CT, các Phó CT UBND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng;
- Trung tâm GD-DN 05-06;
- Cổng thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, VX, KTTH, NCPC.

90

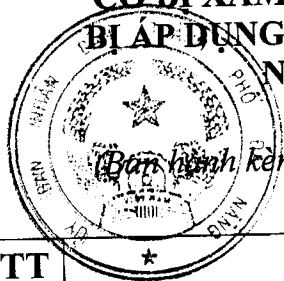
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Quảng
Huỳnh Đức Thơ

Phụ lục số 3

MỨC CHI HỖ TRỢ CÔNG TÁC TIẾP NHẬN NGƯỜI BÁN DÂM CÓ NGUY CƠ BỊ XÂM HẠI, BỊ LẠM DỤNG TÌNH DỤC; NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN BỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG NHƯNG KHÔNG CÓ NƠI CƯ TRÚ ỔN ĐỊNH VÀO CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG



(Ban hành kèm theo Quyết định số 27 /2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2016 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Nội dung	Định mức chi	Ghi chú
I	Hỗ trợ tiền ăn, tiền vật dụng sinh hoạt cá nhân	Thực hiện theo Phụ lục số 02 của Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng	
II	Các khoản chi khác		
1	Chi hỗ trợ cho Công an		
a	Lập hồ sơ	150.000 đồng/1 hồ sơ	
b	Chi phí vận chuyển đối tượng vào cơ sở bảo trợ xã hội	100.000 đồng/người/1 lần	
2	Chi hỗ trợ hoạt động văn nghệ, thể thao	70.000 đồng/người/1 lần chấp hành quyết định	
3	Đối tượng bị nhiễm HIV/AIDS khi mắc các bệnh nhiễm trùng cơ hội được trợ cấp thêm tiền thuốc chữa bệnh, mua sắm vật dụng	250.000 đồng/người/1 lần chấp hành quyết định	
4	Chi phí điện, nước sinh hoạt	80.000 đồng/người/tháng	
5	Hỗ trợ tiền ăn đi đường, tàu xe khi đối tượng về cộng đồng	- 40.000 đồng/người/ngày (tối đa không quá 3 ngày) - Tiền tàu xe theo giá phương tiện công cộng phổ thông.	
6	Chi phí học nghề	Theo quy định hiện hành của thành phố	
7	Hỗ trợ kinh phí tìm việc làm đối với đối tượng về sinh sống tại cộng đồng (Hỗ trợ 01 lần)	1.000.000 đồng/người	